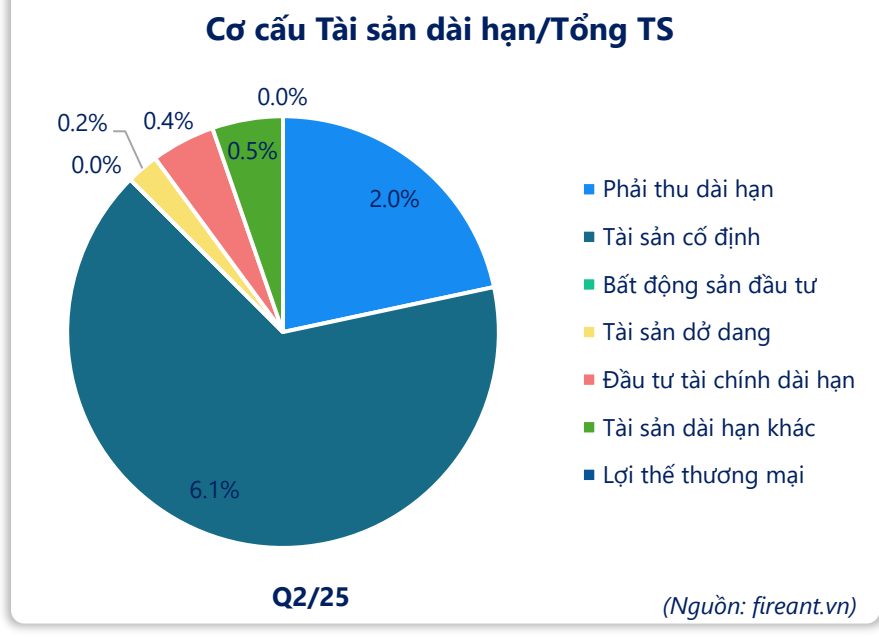
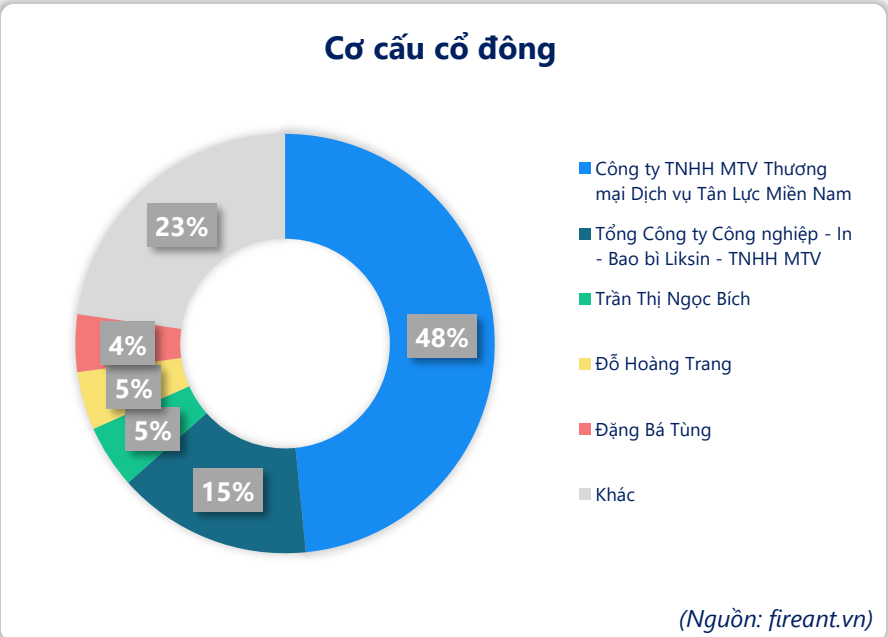
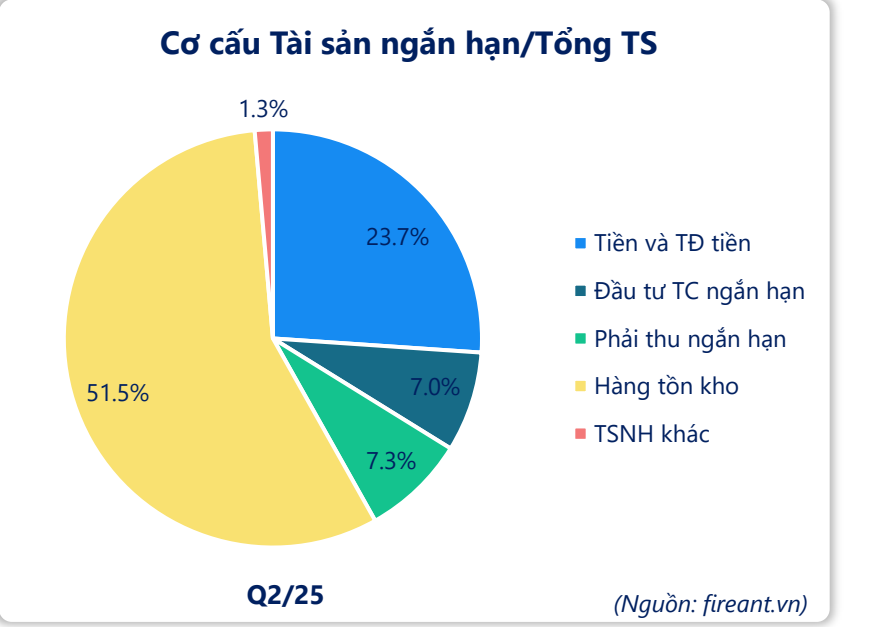
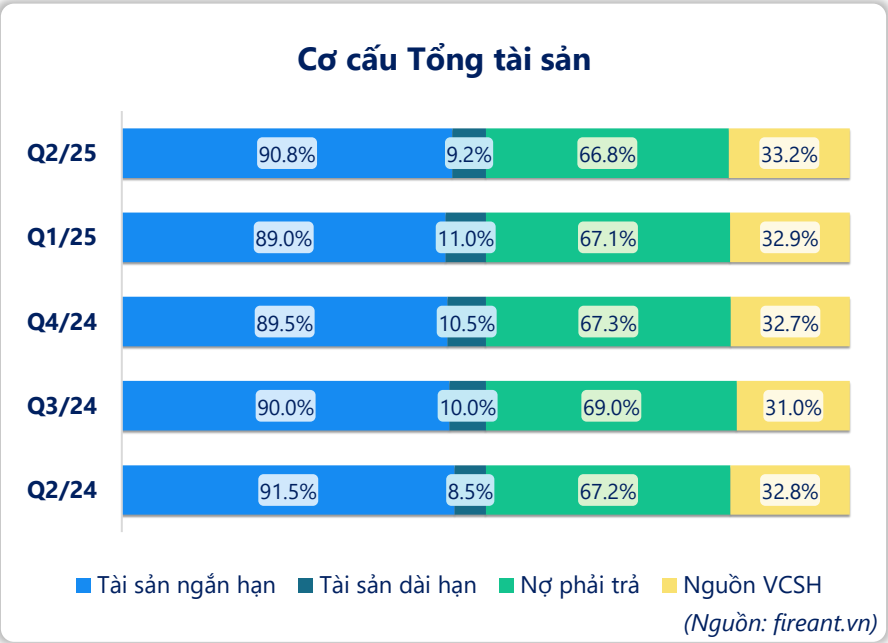
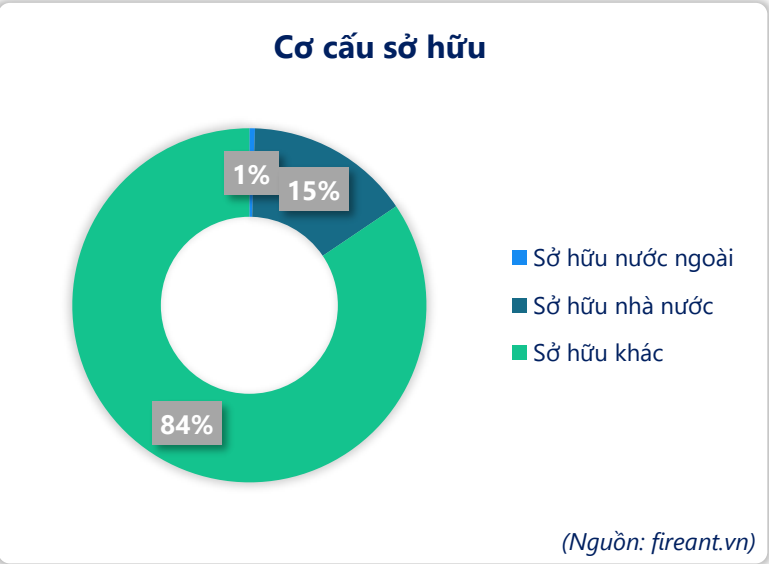
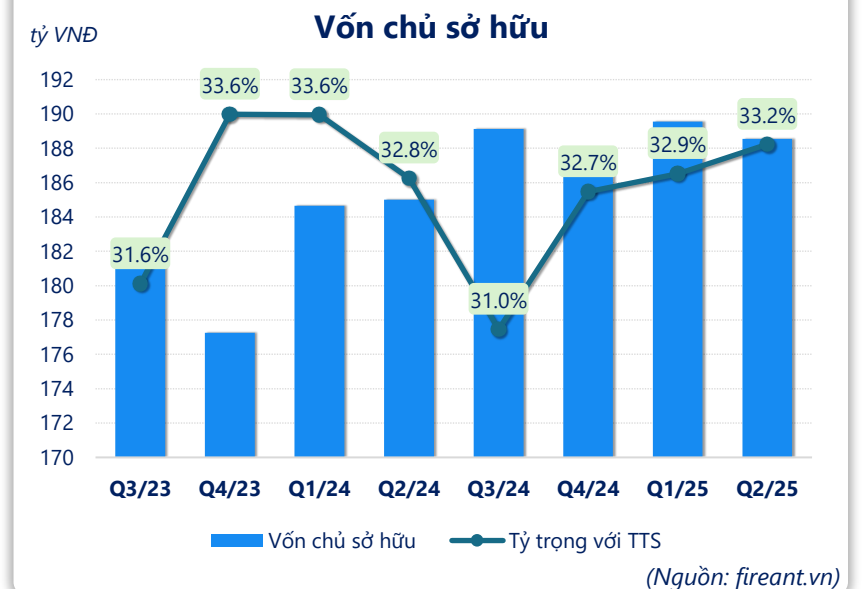
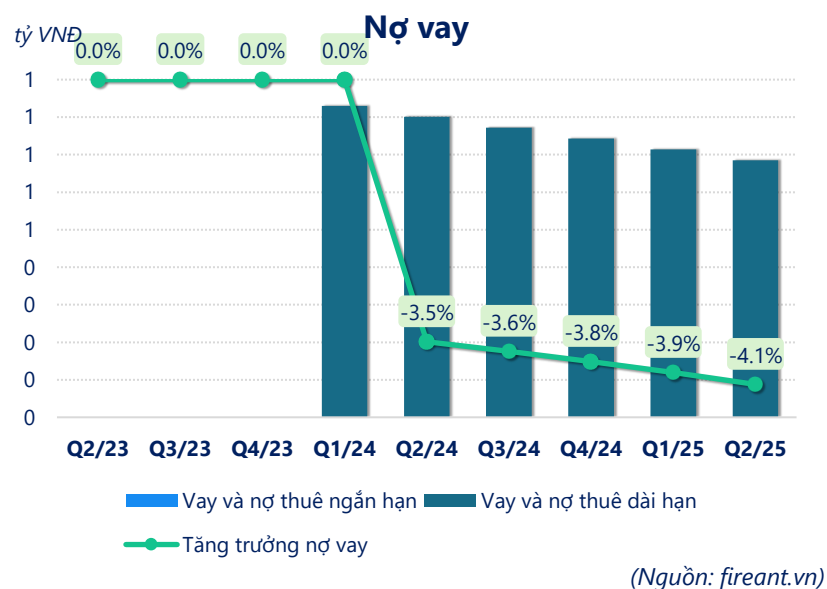
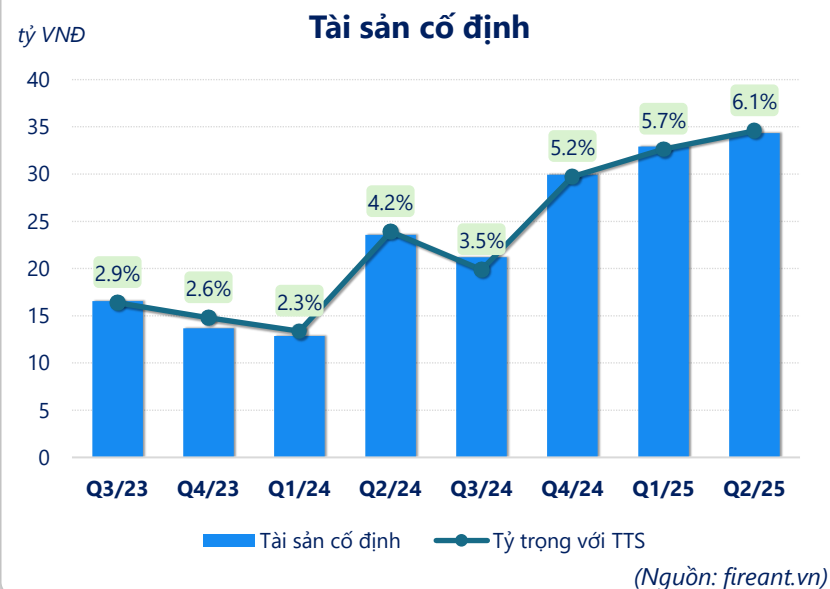
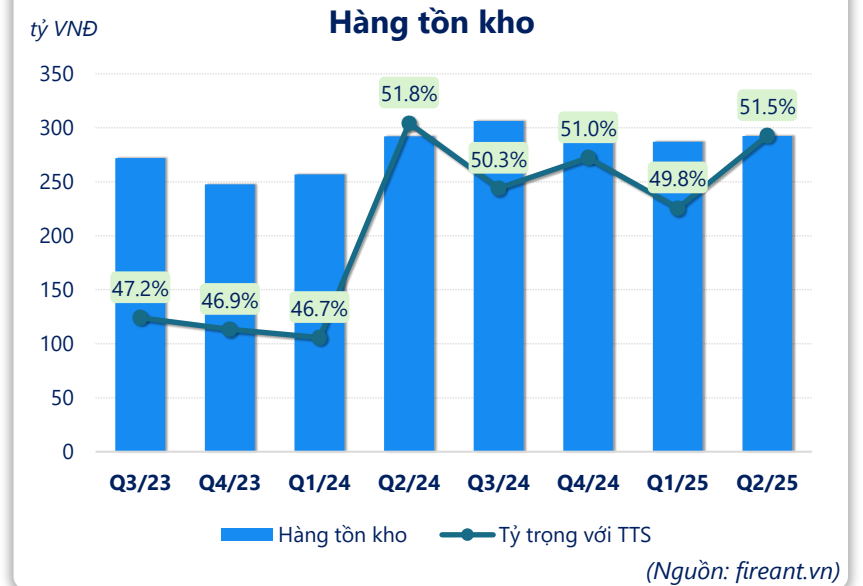
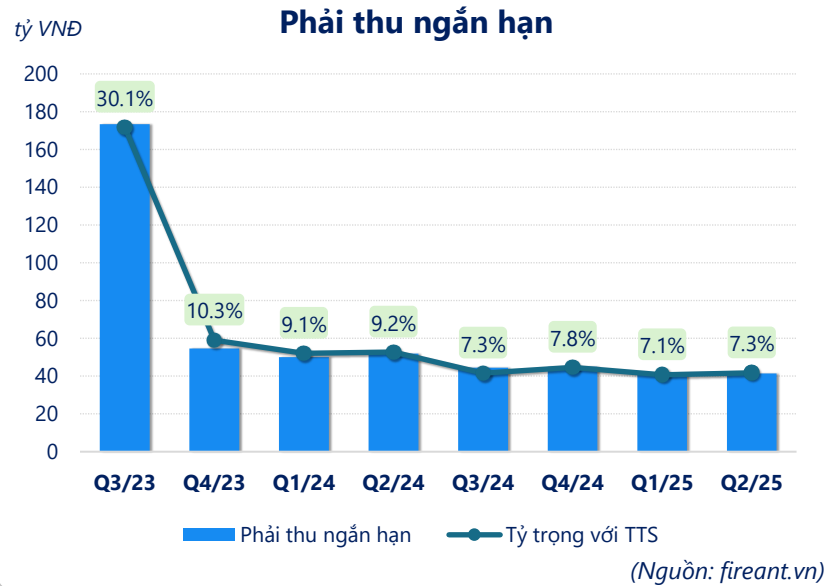
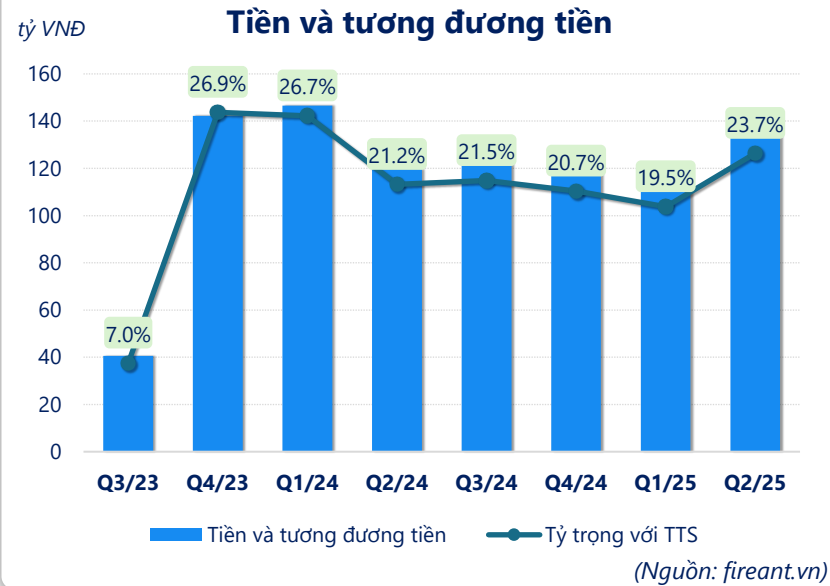
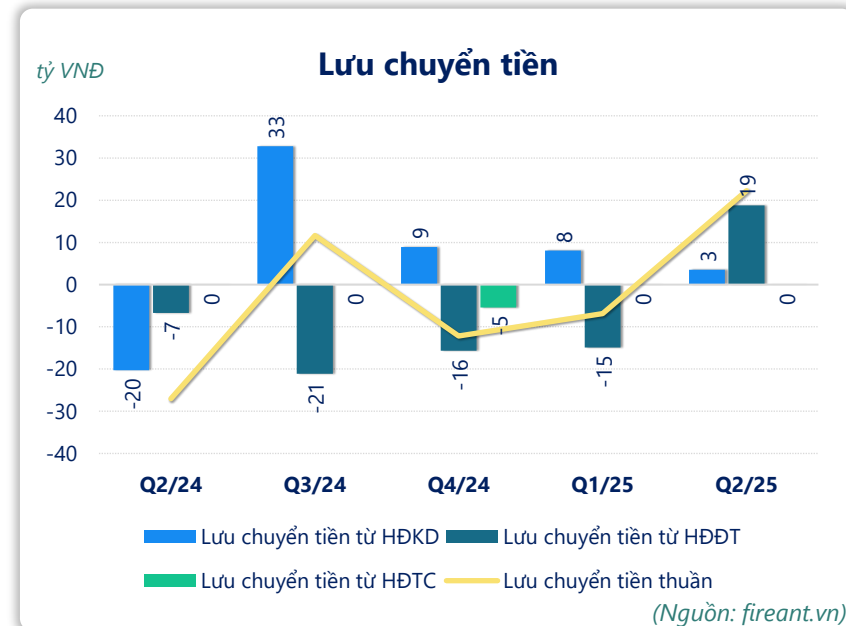
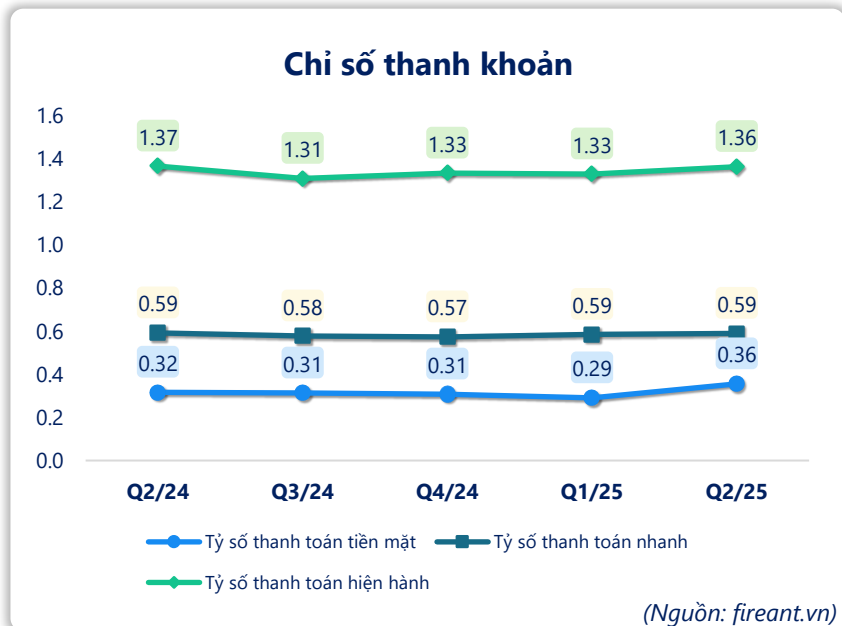
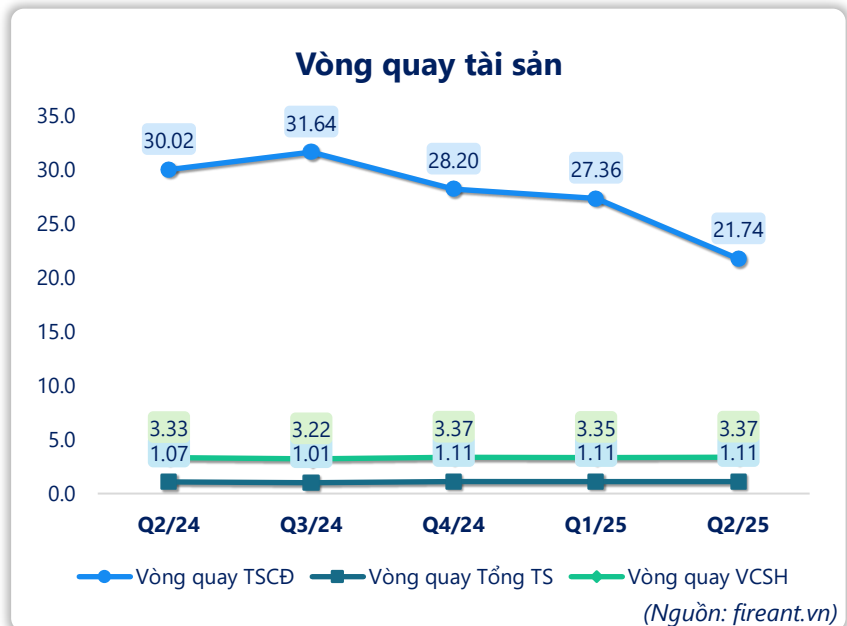
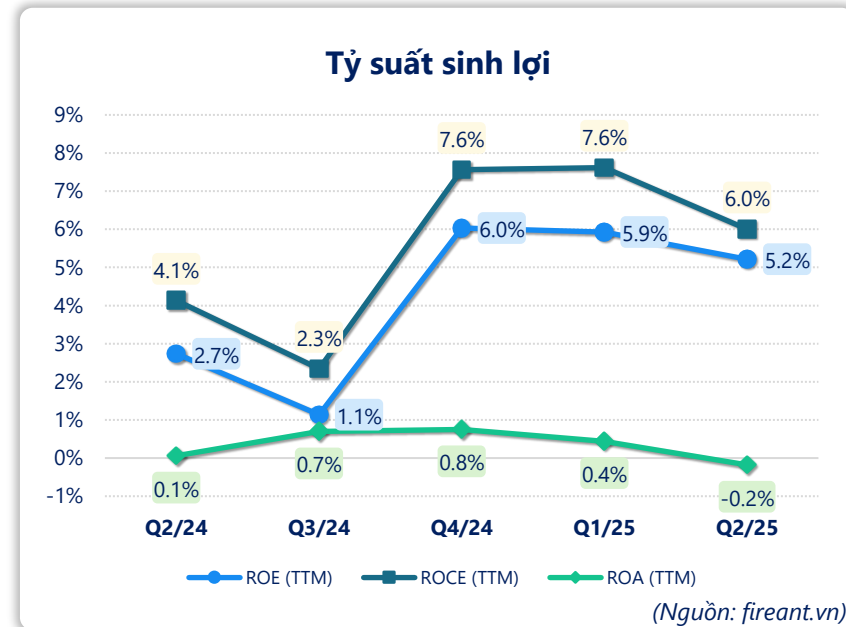
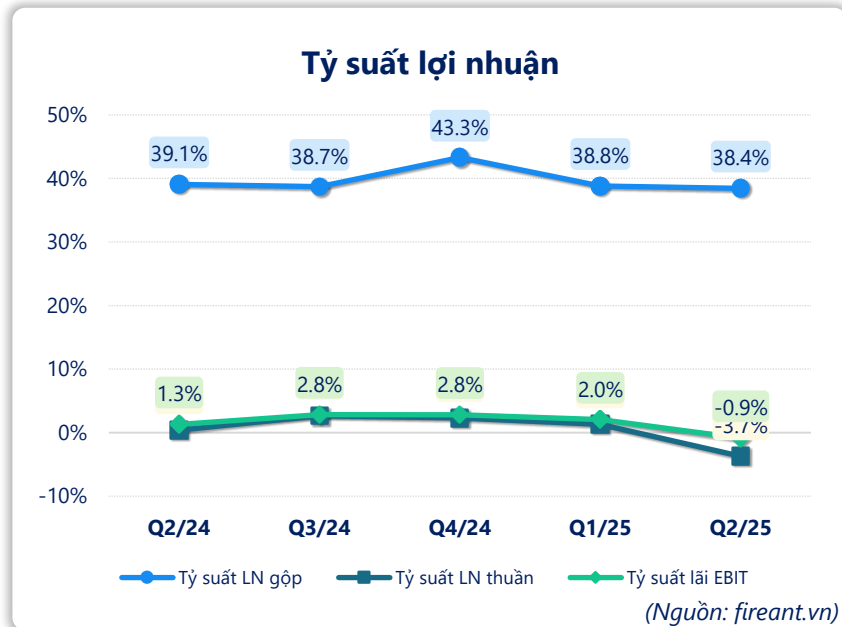
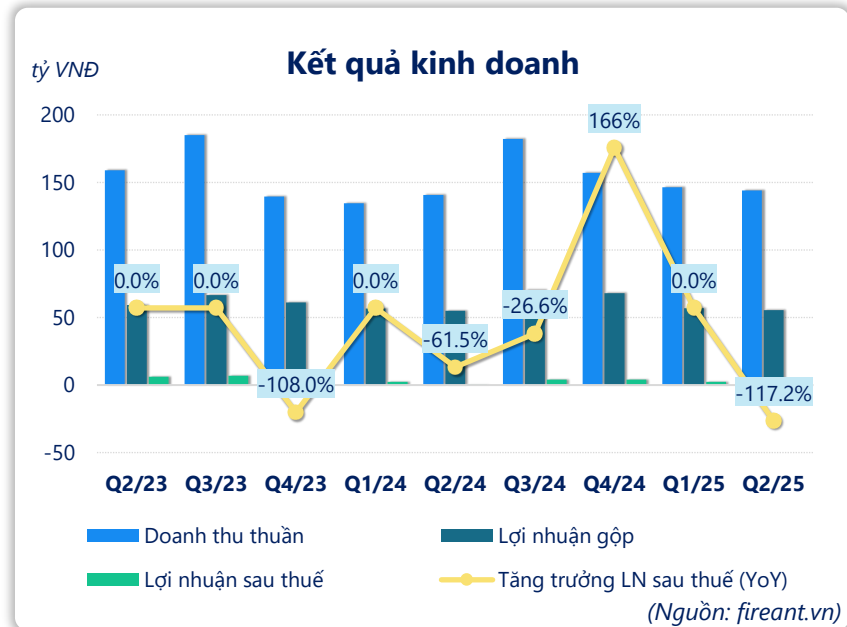


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,802
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,748
SL cổ phiếu LH		10,799,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)		310,957
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		240
P/E		24.7
EPS		902

	YTD	1T	3T	6T
PNC	26.7%	-11.8%	20.0%	31.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	567	571	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	515	518	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	134	119	12.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.9	50.0	-20.2%
Phải thu ngắn hạn	41.4	49.0	-15.5%
Hàng tồn kho	292	293	-0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.20	6.95	3.6%
Tài sản dài hạn	52.2	52.6	-0.8%
Phải thu dài hạn	11.3	14.0	-19.4%
Tài sản cố định	34.3	29.9	14.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.26	2.19	-42.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.76	3.97	-30.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	379	384	-1.3%
Nợ ngắn hạn	378	383	-1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	335	320	4.7%
Nợ dài hạn	1.19	1.24	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.69	0.74	-7.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	189	187	0.8%
Vốn chủ sở hữu	189	187	0.8%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	141	182	157	146	144
Giá vốn hàng bán	85.7	112	89.0	89.5	88.7
Lợi nhuận gộp	55.0	70.5	68.0	56.8	55.4
Doanh thu HĐTC	4.53	2.32	5.17	4.47	5.53
Chi phí TC	0.32	0.01	0.01	0.01	0.34
Chi phí lãi vay	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	50.8	57.8	61.5	49.6	57.9
Chi phí QLDN	7.92	10.1	7.95	9.70	8.03
LN thuần từ HĐKD	0.53	4.87	3.65	1.92	-5.35
Lợi nhuận khác	1.30	0.28	0.72	1.05	4.09
LN trước thuế	1.82	5.15	4.36	2.98	-1.26
Lợi nhuận sau thuế	0.34	4.12	4.14	2.49	-1.01
LNST của CĐ cty mẹ	0.34	4.12	4.14	2.49	-1.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.3	32.8	8.93	8.07	3.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.69	-21.1	-15.7	-14.9	18.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-0.03	-5.43	-0.03	-0.03
Tiền đầu kỳ	147	120	131	119	112
Lưu chuyển tiền thuần	-27.0	11.6	-12.2	-6.87	22.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	120	131	119	112	134

(Nguồn: fireant.vn)